

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14-10-2019.

“V/v ông T xin ly hôn với bà H”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Cầm.

2. Ông Trần Bá Vạn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 76/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Ngô Văn T (tên gọi khác là Ngô Thế T), sinh năm 1963.

Nơi ĐKKHKT: Thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi tạm trú: Số 5/317, đường C, phường V, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

(Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Vũ Thu H (tên gọi khác là Vũ Thị H), sinh năm 1964.

Nơi ĐKKHKT và cư trú tại: Thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

(Vắng mặt).

3. *Người làm chứng:* Cụ Ngô Văn C, sinh năm 1930.

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 27-6-2019; lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Ngô Văn T (tên gọi khác là Ngô Thế T) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Vũ Thu H (tên gọi khác là Vũ Thị H) kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, thành phố Hà Nội vào ngày 09-11-1988 và đã được UBND xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ, chồng sinh sống tại xã T, huyện S, thành phố Hà Nội được khoảng 05 năm thì vợ, chồng chuyển về sinh sống tại quê của ông ở thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định và sau khi chuyển về quê sinh sống thì vợ, chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn trong thời điểm này chủ yếu là do vợ, chồng tính tình không hợp nhau và luôn bất đồng quan điểm; ngoài ra còn do trình độ học vấn và trình độ nhận thức của vợ, chồng chênh lệch nhau nên không có tiếng nói chung trong việc giải quyết những bất đồng phát sinh trong cuộc sống chung của vợ, chồng. Mặt khác thì công việc của ông là Giáo viên phải đi công tác ở ngoài xã hội, còn bà H thì ở nhà làm nông nghiệp nên vợ, chồng không có nhiều thời gian để quan tâm chăm sóc lẫn nhau chính vì vậy mà vợ, chồng mới thường hay xảy ra xô xát với nhau, cuộc sống chung của vợ, chồng lúc nào cũng căng thẳng và mệt mỏi. Mâu thuẫn của vợ, chồng trầm trọng nhất là vào khoảng tháng 02 năm 2013, thời điểm đó bà H cho rằng ông có quan hệ tình cảm nam nữ bất chính với người phụ nữ khác và bà H đã có những lời lẽ, hành động xúc phạm đến ông, làm ảnh hưởng đến uy tín và danh dự của ông nên ông đã phải bỏ nhà đi thuê nhà ở bên ngoài sống riêng một mình. Giữa ông và bà H đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, cũng như quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng với nhau từ tháng 02 năm 2013 cho đến nay. Nay ông xác định mâu thuẫn của vợ, chồng ông đã kéo dài và trầm trọng, đời sống chung của vợ, chồng ông không còn tồn tại từ nhiều năm nay nên mục đích của hôn nhân không còn đạt được. Do đó ông đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Về con chung: Vợ, chồng có 02 con chung là Ngô Thế T, sinh ngày 28-8-1989 và Ngô Phương H, sinh ngày 02-4-1997. Hiện cả 02 con chung đều đã trưởng thành và có công ăn việc làm ổn định cả nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và các vấn đề khác có liên quan: Ông không kê khai và cũng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 02-10-2019, bị đơn bà Vũ Thu H (tên gọi khác là Vũ Thị H) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S, thành phố Hà Nội vào ngày 09-11-1988. Hiện nay bà đang quản lý bản chính Giấy chứng nhận kết hôn của vợ, chồng, nhưng bà không giao nộp bản chính Giấy chứng nhận kết hôn cho Tòa án, vì lý do bà không nhất trí ly hôn với ông T. Sau khi bà và ông T kết hôn với nhau vợ, chồng chung sống hòa thuận bình thường đến năm 2013 thì mới bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông T có quan hệ tình cảm nam nữ bất chính với người phụ nữ khác, năm 2013 ông T đã đưa cả người phụ nữ đó về nhà nên vợ, chồng mới xảy ra xô xát với nhau, sau lần xô xát đó ông T thường xuyên đánh, chửi

bà vì vậy mà vợ, chồng đã phải sống ly thân và không ai quan tâm đến ai nữa suốt từ năm 2013 cho đến nay. Nay ông T xin ly hôn với bà, bà H xác định bà cũng không còn tình cảm, tình nghĩa vợ, chồng gì đối với ông T nhưng mà bà không đồng ý ly hôn nên bà mới không đến Tòa án để làm việc lần nào. Nếu ông T cố tình muốn ly hôn với bà thì bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Ngô Thế T, sinh ngày 28-8-1989 và Ngô Phương H, sinh ngày 02-4-1997. Hiện nay cả 02 con đều đã trưởng thành và có công việc làm ổn định cả nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Bà và ông T không có công nợ chung gì, còn về phần tài sản chung ông T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên bà cũng không có ý kiến gì và cũng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về họ, tên và năm sinh của bà thể hiện ở trong các giấy tờ mà ông T đã giao nộp cho Tòa án có sự khác nhau và không đồng nhất, lý do là do sự sai sót, nhầm lẫn của bà trong các lần bà đi khai báo làm giấy tờ nhưng nó đều thể hiện là nhân thân của bà; về tên, tuổi chính xác của bà là Vũ Thu H (tên gọi khác là Vũ Thị H) và sinh năm 1964.

* Tại biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 26-7-2019, đại diện UBND xã T cung cấp: Ông Ngô Văn T (tên gọi khác là Ngô Thế T) và bà Vũ Thu H (tên gọi khác là Vũ Thị H) là vợ, chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S, thành phố Hà Nội vào tháng 11 năm 1988. Sau kết hôn, thời gian đầu vợ, chồng ông T sinh sống tại xã T, huyện S, thành phố Hà Nội. Đến khoảng năm 1994 thì gia đình ông T mới chuyển về sinh sống ở thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. Sau khi chuyển về quê sinh sống tất cả các thành viên trong gia đình ông T đều đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. Về mâu thuẫn vợ, chồng giữa ông T và bà H nguyên nhân chủ yếu là do ông T có quan hệ tình cảm nam nữ bất chính với người phụ nữ khác, khoảng năm 2013 ông T đã đưa người phụ nữ đó về nhà chơi nên giữa bà H với ông T và bạn gái của ông T đã xảy ra đánh, cãi, chửi nhau. Sau lần vợ, chồng xô xát đó, ông T đã bỏ nhà đi thuê nhà ở bên ngoài sống riêng một mình. Ông T và bà H đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm vợ, chồng với nhau từ năm 2013 cho đến nay. Do ông T và bà H sống ly thân với nhau đã lâu nên tình cảm của vợ, chồng cũng không còn với nhau vì vậy khả năng ông T và bà H đoàn tụ với nhau là rất khó; về con chung: Ông T và bà H có 02 người con chung là anh Ngô Thế T, sinh năm 1989 và chị Ngô Phương H, sinh năm 1997, hiện nay anh T và chị H đều đã trưởng thành và đều đã có công ăn việc làm ổn định; hiện nay bà H thì vẫn thường xuyên sinh sống tại địa phương, ban ngày thì bà H đi làm giúp việc cho người khác, đến tối thì về nhà ngủ nên bà H thường xuyên có mặt tại gia đình vào buổi tối.

* Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 26-7-2019, cụ Ngô Văn C trình bày: Cụ là bố đẻ của ông T và là bố chồng của bà H. Ông T và bà H kết hôn

với nhau cụ thể vào thời gian nào cụ không nhớ, nhưng cụ biết ông T và bà H có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ, chồng ông T sinh sống tại xã T, huyện S, thành phố Hà Nội. Đến khoảng năm 1994 gia đình ông T mới chuyển về quê sinh sống, khi chuyển về quê gia đình ông T sinh sống cùng với cụ trên thửa đất của cụ ở thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. Khoảng đầu năm 2013 ông T có đưa bạn gái về nhà chơi và ngay ngày hôm đó vợ, chồng ông T đã xảy ra đánh, cãi, chửi nhau. Sau lần xô xát đó, ông T đã thuê nhà ở nơi khác sống riêng một mình. Ông T và bà H đã sống ly thân với nhau từ thời điểm đó cho đến nay. Nay ông T xin ly hôn với bà H cụ đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án; ông T và bà H có 02 con chung là anh là Ngô Thế T, sinh năm 1989 và chị Ngô Phương H, sinh năm 1997, hiện nay anh T và chị H đều đã trưởng thành và đều có công ăn việc làm ổn định; ông T và bà H có 01 ngôi nhà 02 tầng xây dựng nhờ trên thửa đất của cụ, nhưng ly hôn ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung của vợ, chồng nên cụ không có ý kiến gì về phần diện tích đất mà cụ đã cho vợ, chồng ông T mượn để xây nhà; hiện nay bà H vẫn sinh sống tại thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định, cứ sáng thì bà H đi làm, tối thì về nhà nên các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt cho bà H, cụ không nhận thay cho bà H, cụ đề nghị Tòa án cứ niêm yết tại nhà ở của bà H là bà H sẽ biết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán của Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn T.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa ông Ngô Văn T (tên gọi khác là Ngô Thế T) và bà Vũ Thu H (tên gọi khác là Vũ Thị H).

+ Về con chung: Hiện nay 02 con chung của ông T và bà H là anh Ngô Thế T, sinh năm 1989 và chị Ngô Phương H, sinh năm 1997 đều đã trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được và các đương sự cũng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết gì về con chung. Vì vậy, không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và các vấn đề khác có liên quan: Các đương sự không kê khai và cũng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc ông T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Xét thấy từ thời điểm thụ lý cho đến ngày xét xử vụ án, bà Vũ Thu H (tên gọi khác là Vũ Thị H) là bị đơn trong vụ án vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và thường xuyên cư trú tại thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. Do đó, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định thụ lý và xét xử sơ thẩm vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà Vũ Thu H (tên gọi khác là Vũ Thị H) là bị đơn trong vụ án đến Tòa án để tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bà H đều vắng mặt, không có lý do. Do đó, vụ án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng bà H vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt của bà H.

[3]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy ông Ngô Văn T (tên gọi khác là Ngô Thế T) và bà Vũ Thu H (tên gọi khác là Vũ Thị H) kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, thành phố Hà Nội vào ngày 09-11-1988. Như vậy, hôn nhân của ông T và bà H đã thỏa mãn các điều kiện về kết hôn theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nên, được pháp luật bảo vệ.

[5]. Về tình trạng của hôn nhân: Xét thấy sau khi kết hôn ông Ngô Văn T (tên gọi khác là Ngô Thế T) và bà Vũ Thu H (tên gọi khác là Vũ Thị H) đã có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc với nhau được đến hết năm 2012, sau đó sang đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do ông T và bà H tính cách không hợp nhau; ngoài ra còn do ông T có quan hệ tình cảm nam nữ bất chính với người phụ nữ khác chính vì vậy mà trong cuộc sống ông T và bà H thường hay xảy ra xô xát với nhau. Mâu thuẫn giữa ông T và bà H xảy ra trầm trọng nhất vào tháng 02 năm 2013, lý do là do ông T có đưa người phụ nữ mà ông T có quan hệ tình cảm bất chính về nhà chơi thì giữa bà H với ông T và người phụ nữ đó đã xảy ra đánh, cãi, chửi nhau. Sau lần xô xát đó, ông T đã bỏ nhà đi nơi khác sinh sống. Nên giữa ông T và bà H đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, cũng như quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng với nhau suốt từ thời điểm đó cho đến nay. Như vậy, quyền và nghĩa vụ về nhân thân trong quan hệ giữa vợ và chồng của ông T và bà H đã trái với những quy định tại các Điều 17, 19, 20, 21 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét hôn nhân thực tế hiện nay của ông T và bà H thấy đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng và trên thực tế thì vợ, chồng ông T cũng không còn chung sống cùng với nhau từ nhiều năm nay và bà H cũng xác định bà không còn tình cảm, tình nghĩa vợ, chồng gì đối với ông T. Điều đó chứng tỏ mục đích của hôn nhân không còn đạt được nên đời sống chung của vợ, chồng ông T không thể kéo dài thêm được nữa.

Như vậy, việc ông T xin ly hôn với bà H là có căn cứ pháp luật và phù hợp với tình trạng thực tế hiện nay của hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T là phù hợp với những quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6]. Về con chung: Ông T và bà H có 02 con chung là anh Ngô Thế T, sinh năm 1989 và chị Ngô Phương H, sinh năm 1997. Xét thấy hiện nay anh T và chị H đều đã trưởng thành và có công việc làm ổn định nên đều có khả năng lao động tự lập được rồi, mặt khác các đương sự cũng không có yêu cầu gì về con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và các vấn đề khác có liên quan: Xét thấy các đương sự không kê khai và cũng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc ông T phải nộp theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa ông Ngô Văn T (tên gọi khác là Ngô Thế T) và bà Vũ Thu H (tên gọi khác là Vũ Thị H).

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc ông Ngô Văn T (tên gọi khác là Ngô Thế T) phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông T đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BB/2012/09968 ngày 16-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Ngô Văn T (tên gọi khác là Ngô Thế T) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bà Vũ Thu H (tên gọi khác là Vũ Thị H) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + Tỉnh;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Quân